

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2022/DS-ST**

Ngày: 23/3/2022

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Duy Khương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều, kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2022/TLST - DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - DS ngày 21/01/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 15/02/2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Phan Thúy Ng, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 262A L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện ủy quyền cho bà Ng:* Ông Phạm Đình T, sinh năm: 1959. Địa chỉ hiện nay: A9 – 48, khu đô thị T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Chị Trần Thị Huỳnh Nh, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp V1, xã VHP, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, tại phiên tòa ông Phạm Đình T (đại diện nguyên đơn) yêu

*cầu như sau:* Qua sự quen biết và giới thiệu của ông Phạm Phước H, bà Phan Thúy Ng cho chị Trần Thị Huỳnh Nh vay nhiều lần với tổng số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*), chị Nh có ký biên nhận nợ và lãi suất thỏa thuận của các lần vay là 3%/tháng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 03/7/2018, chị Nh nhờ ông H gặp bà Ng vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

- Lần 2: Ngày 20/7/2018, chị Nh vay thêm số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

- Lần 3: Ngày 20/9/2018, chị Nh vay thêm số tiền gốc là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

- Lần 4: Ngày 02/11/2018 (nhằm ngày 25/9/2018 âm lịch), chị Nh tiếp tục vay thêm số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Sau khi vay tiền lần cuối cùng thì cho đến nay, chị Nh không trả tiền lãi và tiền gốc cho bà Ng. Bà Ng có nhắc nhở thì chị Nh chỉ hứa hẹn nhưng vẫn không trả. Do đó, bà Ng khởi kiện yêu cầu chị Nh trả cho bà 01 lần số tiền vay gốc còn nợ là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định từ ngày 02/11/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu chị Nh trả cho bà Ng 01 lần số tiền vay gốc còn nợ là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 02/11/2018 cho đến nay tính tròn là 39 tháng, mức lãi suất yêu cầu là 20%/năm và tự nguyện khấu trừ 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi mà chị Nh đã trả cho bà Ng trước đây. Ngoài ra, bà Ng không yêu cầu ai khác trả số nợ này cùng với chị Nh.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Huỳnh Nh trình bày và yêu cầu như sau:* Chị Nh xác nhận, trong khoảng thời gian năm 2018, chị có chung sống Nh vợ chồng với ông Phạm Phước H và khi chị cần tiền làm ăn, chị có nói với ông H nên chị nghĩ số tiền nợ nói trên là của ông H. Sau khi nhận được Thông báo của Tòa án thì chị mới biết số tiền này là vay của bà Ng. Trong thời gian vay, chị có trả được 01 khoản tiền lãi nhưng chị không nhớ chính xác là bao nhiêu.

Nay tại phiên tòa, chị đồng ý trả cho bà Ng số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) và đồng ý trả tiền lãi tính từ ngày 02/11/2018 đến nay theo yêu cầu của bà Ng. Nhưng hiện nay, hoàn cảnh rất khó khăn nên chị xin bà Ng cho phần tiền lãi và xin trả dần số tiền gốc mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian bắt đầu trả từ ngày 15/9/2022 cho đến khi hết nợ.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng:* Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 (gọi tắt là *BLDS 2015*), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Bà Phan Thúy Ng khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Huỳnh Nh trả cho bà Ng số tiền vay gốc và tiền lãi còn nợ nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Đồng thời, tại thời điểm bà Ng khởi kiện, chị Nh có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Hòa 1, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ ngày 03/7/2018 đến ngày 02/11/2018, do quen biết với ông Phạm Phước H, bà Phan Thúy Ng cho chị Trần Thị Huỳnh Nh vay 04 lần với tổng số tiền gốc là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, chị Nh trực tiếp viết biên nhận nợ cho các lần vay.

Do sau khi nhận tiền, chị Nh không thanh toán gốc và lãi cho bà Ng nên bà Ng khởi kiện yêu cầu chị Nh trả 01 lần số tiền vay gốc và tiền lãi tính theo quy định từ ngày 02/11/2018 cho đến khi kết thúc vụ án.

2.1 Xét yêu cầu của bà Ng về việc yêu cầu chị Nh trả số tiền gốc còn nợ là 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 02/11/2018 cho đến khi kết thúc vụ án.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và qua lời trình bày của phía bà Ng được chị Nh xác nhận sự việc là chị Nh có vay của bà Ng số tiền 530.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu đồng*) và hiện nay chưa trả được cho bà Ng số tiền này. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu này

của bà Ng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS 2015 nên HĐXX chấp nhận.

Đối với phần lãi suất, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác nhận, khi giao dịch giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng và từ khi chị Nh nhận tiền vay lần cuối cùng vào ngày 02/11/2018 đến nay thì chị Nh có trả cho bà Ng 01 khoản tiền lãi nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Nay, bà Ng yêu cầu tính lãi suất 20%/năm và tự nguyện căn trừ số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) mà chị Nh đã trả lãi cho bà Ng. Việc phía bà Ng đồng ý căn trừ là tự nguyện và được chị Nh đồng ý nên HĐXX ghi nhận.

HĐXX xét thấy, việc bà Ng yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 02/11/2018 đến ngày 23/3/2022 là có cơ sở và tại phiên tòa chị Nh cũng đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà Ng. Mức lãi suất mà bà Ng yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 nên HĐXX chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 02/11/20218 đến ngày 23/3/2022 là 39 tháng 21 ngày, được tính tròn 39 tháng:  $[(530.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng}) \times 39 \text{ tháng}] - 20.000.000 \text{ đồng} = 323.122.000 \text{ đồng}$  (*Ba trăm hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi chị Nh phải trả cho bà Ng là 853.122.000 đồng (*Tám trăm năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

2.2 Xét lời khai nại của chị Nh, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nh cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình chị rất khó khăn nên xin phần lãi và trả dần cho bà Ng số tiền gốc mỗi tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), bắt đầu trả từ ngày 15/9/2022 cho đến khi hết nợ.

HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả dần số nợ của chị Nh là kéo dài thêm thời gian, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Ng. Tại phiên tòa, phía bà Ng cũng không đồng ý theo cách trả dần số nợ của chị Nh. Đồng thời, Tòa án không ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên yêu cầu này của chị Nh là không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc chị Nh có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/3/2022 với tổng số tiền là 853.122.000 đồng (*Tám trăm năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Nh phải chịu án phí là 37.593.660 đồng (*Ba mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng*).

- Yêu cầu của bà Ng được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 92, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc chị Trần Thị Huỳnh Nh trả cho bà Phan Thúy Ng tổng số tiền 853.122.000 đồng (*Tám trăm năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc là 530.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 23/3/2022 là 323.122.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu chị Nh không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng chị Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Trần Thị Huỳnh Nh phải chịu án phí số tiền là 37.593.660 đồng (*Ba mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng*).

- Hoàn trả cho bà Phan Thúy Ng số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 12.600.000 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0000843 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 23/3/2022*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm*

2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- THAND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**